

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Gói thầu số 03: Mua sắm nhiên liệu, phục vụ nhiệm vụ đơn vị năm 2026.
- Tên dự toán mua sắm: Mua nhiên liệu phục vụ nhiệm vụ đơn vị năm 2026.
- Chủ đầu tư: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa.
- Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng thường xuyên, ngân sách địa phương.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày.
- Địa điểm cung cấp: 9a, Lê Thánh Tôn, Phường Nha Trang, T.Khánh Hòa.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Sản phẩm đáp ứng về mặt kỹ thuật khi đạt được 100% so với yêu cầu kỹ thuật: Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật bao gồm: bản tuyên bố đáp ứng, catalogue, tài liệu chứng nhận chất lượng, chứng minh nguồn gốc và xuất xứ hàng hóa.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

a. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của Diesel 0,05S-II

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Chỉ tiêu lý hóa
1	Chỉ số cetan	TCVN 3180 (ASTM D 4737)	≥ 46
2	Khối lượng riêng ở 15 ⁰ C , kg/m ³	ASTM D4052	820÷860
3	Nhiệt độ chưng cất, ⁰ C, ở 90% thể tích thu hồi	ASTM D86	≤ 360
4	Nhiệt độ chớp lửa cốc kín, ⁰ C	ASTM D93	≥ 55
5	TN Ăn mòn mảnh đồng ở 50 ⁰ C trong 3h	ASTM D130	$\leq 1a$
6	Độ nhớt động học ở 40 ⁰ C, cst	ASTM D 445	2,0÷4,5
7	Hàm lượng tro, % KL	ASTM D482	$\leq 0,01$
8	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	ASTM D5453	≤ 500

9	Tạp chất dạng hạt, mg/L	ASTM D6217	≤ 10
10	Hàm lượng nước, mg/kg	ASTM D6304	≤ 200
11	Nhiệt độ đông đặc, °C	ASTM D97	$\leq +6$
12	Độ bôi trơn, μm	ASTM D6079	≤ 460
13	Cặn cacbon của 10% cặn chưng cất, % KL	ASTM D4530	$\leq 0,3$
14	Ngoại quan	ASTM D4176	Sạch, trong

b. Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của Xăng RON95

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Chỉ tiêu lý hóa
1	Trị số ôctan theo phương pháp nghiên cứu (RON)	TCVN 2703 (ASTM D 2699)	≥ 95
2	Hàm lượng chì, g/lit	ASTM D3237	$\leq 0,013$
3	Thành phần chưng cất, °C: - Điểm sôi đầu, °C - 10% thể tích, °C - 50% thể tích, °C - 90% thể tích, °C - Điểm sôi cuối, °C - Cặn cuối, % thể tích	TCVN 2698 (ASTM D 86)	Báo cáo ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 210 $\leq 2,0$
4	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453)	≤ 150
5	Hàm lượng Benzen, % thể tích	TCVN 3166 (ASTM D 5580) TCVN 6703 (ASTM D 3606)	$\leq 2,5$
6	Hydrocacbon thơm, % thể tích	TCVN 7330 (ASTM D 1319)	≤ 40
7	Hàm lượng olefin, % thể tích	TCVN 7330 (ASTM D 1319)	≤ 30
8	Hàm lượng oxy, % khối lượng	TCVN 7332 (ASTM D 4815)	$\leq 3,7$
9	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L	TCVN 7331 (ASTM D 3831) TCVN 7330 (ASTM D 1319)	≤ 5

10	Ngoại quan	TCVN 7759 (ASTM D 4176)	Trong suốt, không phân lớp và không có tạp chất
----	------------	-------------------------	---

Ghi chú:

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu sản phẩm (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” hoặc “tốt hơn” so với các yêu cầu trong E-HSMT.

Thuật ngữ “hoặc tương đương” tại E-HSMT này được hiểu là tương đồng về tiêu chuẩn sản xuất, công nghệ chế tạo, tính năng - hiệu quả - hiệu suất sử dụng, ...

Nhà thầu dự thầu lập bảng đề xuất về hàng hóa chào thầu, chi tiết theo đúng thông số phát hành của nhà sản xuất làm cơ sở đánh giá

Thông số yêu cầu nêu trên là thông số tối thiểu, các hàng hóa có thông số kỹ thuật cao hơn (kèm tài liệu chứng minh) đều được đánh giá đáp ứng.

1.3. Các yêu cầu khác

+ Thực hiện việc giao nhận hàng hóa theo đúng yêu cầu của E-HSMT, đảm bảo về chất lượng, chủng loại, số lượng và tiến độ thực hiện;

+ Đóng gói, vận chuyển và bàn giao, hướng dẫn sử dụng tại địa điểm giao hàng.

+ Các nội dung khác:

- Nhà thầu phải lập bảng so sánh tính đáp ứng thông số kỹ thuật giữa hàng hóa chào thầu và thông số kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT;

- Trình bày biện pháp vận chuyển, bàn giao hàng hóa cụ thể.

- Có đầy đủ mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, thông số kỹ thuật rõ ràng.

- Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

+ Nghiệm thu, bàn giao:

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình hoàn thành công việc.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí bắt đầu từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao.

- + Bảo hành:

- Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo thời gian bảo hành ≥ 12 tháng tính từ ngày hàng hóa được nghiệm thu ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng.

- Giá trị tiền bảo hành: Theo quy định của hợp đồng.

- Hình thức nộp tiền đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành: Dưới dạng bảo lãnh của Ngân hàng hoặc hình thức khác theo quy định.

- Thời hạn hoàn trả tiền bảo hành: Chủ đầu tư sẽ hoàn trả tiền bảo hành cho nhà thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và nhận đủ hồ sơ đề nghị của nhà thầu kèm theo biên bản xác nhận của các đơn vị thụ hưởng.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ theo quy định của Chủ đầu tư.